

Số: 16/2017/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

## **THÔNG TƯ**

BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ YÊU CẦU VỆ SINH ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT TINH LỢN  
Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Thú y năm 2015 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật lĩnh vực chăn nuôi:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này 01 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia-Yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn.

Ký hiệu: QCVN: 01-184:2017/BNNPTNT

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ liên quan;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP. trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Cục, Vụ, Thanh tra, VP - Bộ NN & PTNT
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Văn Tám**

## **QCVN 01-184:2017/BNNPTNT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA YÊU CẦU VỆ SINH ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT TINH LỢN**

*National technical regulation on Hygiene requirements for Boar semen production stations*

### **Lời nói đầu**

QCVN 01-184:2017/BNNPTNT do Cục Chăn nuôi biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 16/2017/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA - YÊU CẦU VỆ SINH ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT TINH LỢN**

***National technical regulation on Hygiene requirements for Boar semen production stations.***

**1. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định về vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn trong phạm vi cả nước.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất tinh lợn (số lượng lợn đực giống trong một cơ sở thụ tinh nhân tạo không ít hơn 5 con).

**1.3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Cơ sở sản xuất tinh lợn là cơ sở nuôi lợn đực giống có hoạt động khai thác, pha chế và kinh doanh tinh lợn.

1.3.2. Yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn bao gồm: yêu cầu về địa điểm; bố trí mặt bằng và thiết kế; trang thiết bị và dụng cụ, phương tiện bảo quản; vệ sinh an toàn dịch bệnh nhằm tạo ra sản phẩm an toàn không gây hại cho sức khỏe con người và không gây ô nhiễm môi trường.

1.3.3. Khu tân đáo: là khu nuôi lợn giống mới nhập để theo dõi trong thời gian 2 tuần trước khi nhập đàn, tránh lây lan dịch bệnh (nếu có).

**2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT**

**2.1. Yêu cầu về địa điểm**

2.1.1. Phải xây dựng tại vị trí phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép;

2.1.2. Phải cách các khu vực ô nhiễm môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố; phải cách khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện, trường học, chợ tối thiểu 500m;

2.1.3. Thoáng mát, không bị ngập lụt, nền chuồng cách mặt nước ngầm tối thiểu 2m, thuận lợi cho thoát nước;

2.1.4. Thuận tiện cho cung cấp điện, nước từ mạng lưới chung của khu vực hoặc có khả năng tự cung cấp;

2.1.5. Thuận lợi cho việc vận chuyển lợn đực giống, vật tư, thiết bị, thức ăn cho lợn và sản phẩm từ cơ sở;

2.1.6. Có đủ diện tích, điều kiện xử lý chất thải rắn, nước thải theo quy định hiện hành.

**2.2. Yêu cầu về bố trí mặt bằng, thiết kế**

**2.2.1. Bố trí mặt bằng**

a) Cơ sở sản xuất tinh lợn phải được thiết kế thành các khu vực riêng biệt: Khu chăn nuôi lợn đực giống; khu sản xuất tinh lợn; khu cách ly, tân đáo; khu tập kết và xử lý chất thải; khu làm việc của cán bộ chuyên môn; các khu phụ trợ khác (nếu có);

b) Khu chăn nuôi lợn đực giống; khu khai thác, pha chế và bảo quản tinh lợn bố trí ở đầu hướng gió chính. Khu cách ly, tân đáo; khu tập kết và xử lý chất thải (nhà chứa phân, bể chứa nước thải) phải đặt ở cuối hướng gió chính;

c) Khu chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh. Giữa các khu vực trong khu chăn nuôi phải được ngăn cách;

d) Cổng ra vào khu chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng. Thường xuyên thay thuốc sát trùng ít nhất ngày một lần.

**2.2.2. Thiết kế**

**2.2.2.1. Khu chăn nuôi đực giống**

a) Chuồng nuôi lợn đực khai thác tinh lợn phải được xây dựng để đảm bảo nguyên tắc ấm về mùa đông, mát về mùa hè, đầy đủ ánh sáng, ngăn được mưa, gió;

b) Bề rộng mặt đường giao thông trong khu chăn nuôi phụ thuộc vào phương tiện vận chuyển nhưng không nhỏ hơn 3,5m. Đường vận chuyển thức ăn cho lợn đực không được cùng với đường vận chuyển phân;

- c) Khoảng cách giữa các chuồng nuôi không nhỏ hơn 7,0m. Chuồng nuôi cách các công trình phục vụ sản xuất và khu khai thác, pha chế, bảo quản tinh lợn không nhỏ hơn 15m;
- d) Chuồng nuôi lợn đực giống được bố trí thành các ô riêng biệt. Diện tích chuồng lợn đực nội tối thiểu 5,0m<sup>2</sup>, lợn đực ngoại tối thiểu 6,0m<sup>2</sup>. Tường ngăn hoặc song chắn giữa các ô không thấp hơn 1,3m;
- đ) Trong chuồng phải có hành lang để vận chuyển thức ăn, chăm sóc và chuyển lợn đực. Phía sau chuồng có đường vận chuyển phân, chiều rộng của đường và hành lang phù hợp với thiết bị được sử dụng;
- e) Nền chuồng phải có độ nhám đảm bảo để lợn không trơn trượt và có độ dốc 3% đến 5% để dễ thoát nước mỗi khi vệ sinh;
- g) Máng ăn, máng uống có kích thước phù hợp và được làm bằng vật liệu bền, dễ vệ sinh, khử trùng.

#### 2.22.2. Khu sản xuất tinh lợn

##### a) Nơi huấn luyện và khai thác tinh lợn

- Nơi huấn luyện và khai thác được bố trí ở đầu dãy chuồng, gần chuồng nuôi lợn đực giống. Tùy theo số lượng lợn đực giống khai thác hàng ngày mà bố trí diện tích lấy tinh lợn cho phù hợp;
- Nơi huấn luyện và khai thác tinh lợn phải sạch, thoáng, đủ ánh sáng và không bị ánh nắng chiếu trực tiếp;
- Nơi huấn luyện và khai thác tinh lợn phải chia thành ô với diện tích 4m<sup>2</sup> đối với lợn nội và 6m<sup>2</sup> đối với lợn ngoại. Mỗi ô phải có giá nhảy để huấn luyện và lấy tinh lợn;
- Mặt nền phải chắc, nhám để chịu được sức nặng của lợn đực giống và chống trơn trượt. Phía sau giá nhảy đặt một tấm lót để bảo vệ móng chân lợn đực giống trong suốt quá trình khai thác tinh lợn.

##### b) Phòng kiểm tra chất lượng và đóng gói tinh lợn

- Tường tiếp giáp với khu vực lấy tinh lợn phải có hộp chuyển hàng để chuyển dụng cụ sạch (cốc lấy tinh lợn, khăn sạch) từ khu vực kiểm tra sang khu vực lấy tinh lợn và ngược lại nhận cốc đựng tinh lợn vừa được khai thác đưa vào phòng kiểm tra;
- Phòng kiểm tra chất lượng và đóng gói tinh lợn phải có thiết bị, dụng cụ tối thiểu chuyên dụng phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá tinh lợn trước và sau khi pha loãng tinh dịch; số lượng thiết bị, dụng cụ phù hợp với công suất sản xuất tinh lợn của cơ sở;
- Diện tích phòng kiểm tra chất lượng và đóng gói tinh lợn không nhỏ hơn 10m<sup>2</sup>, có bồn rửa đặt tại vị trí thích hợp.

##### c) Phòng bảo quản tinh lợn

- Phải tránh ánh sáng mặt trời chiếu vào nơi để tinh lợn;
- Phải có tủ lạnh và các phương tiện bảo quản tinh lợn.

#### 2.2.2.3. Khu cách ly, tân đáo

##### a) Khoảng cách từ khu cách ly, tân đáo đến các công trình khác tối thiểu 500m;

##### b) Các tường xây ngăn giữa các ô chuồng và giữa các sân chơi của lợn phải kín;

c) Phòng xử lý lợn ốm phải được thiết kế về 1 phía đầu hồi của dãy chuồng, diện tích không nhỏ hơn 14m<sup>2</sup>. Phòng xử lý lợn ốm phải có bàn mổ chịu rửa, vòi nước và túi đựng mẫu xét nghiệm, các thiết bị và dụng cụ để đựng bệnh phẩm hoặc xác lợn khi phải khử trùng hoặc tiêu hủy.

#### 2.2.2.4. Hệ thống thu gom nước thải và chất thải rắn

- a) Đường thu gom nước thải, nước vệ sinh của từng dãy chuồng phải được thiết kế để nước chảy thẳng vào hệ thống xử lý nước thải và bể chứa không được chảy ngang qua các khu chuồng khác;
- b) Hệ thống xử lý chất thải và nước thải trong cơ sở sản xuất tinh lợn phải được thiết kế ngầm hoặc hở tùy theo từng khu để đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường;
- c) Nơi tập kết rác thải rắn phải tách biệt và được thiết kế để không làm ô nhiễm chất thải ra môi trường;

#### 2.2.2. Yêu cầu đối với thiết bị, dụng cụ và thuốc thử

2.2.2.1. Giá nhảy phải chắc chắn, không trơn, không có cạnh sắc nhọn không rộng hơn 40cm; có thể điều chỉnh được độ cao để phù hợp với từng cá thể lợn đực giống.

2.2.2.2. Chất liệu và cấu tạo của dụng cụ sử dụng để khai thác, kiểm tra đóng gói, bảo quản tinh lợn phải đảm bảo không ảnh hưởng tới phẩm chất tinh dịch lợn;

2.2.2.3. Khăn lọc tinh lợn phải sạch và vô trùng trước khi dùng;

2.2.2.4. Thuốc thử sử dụng trong việc kiểm tra và pha loãng tinh lợn phải có nhãn ghi đầy đủ thông tin kỹ thuật, ngày và nơi sản xuất, hạn sử dụng được bảo quản đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của sản phẩm;

2.2.2.5. Lọ hoặc tuýp đựng liều tinh lợn phải đảm bảo sạch, vô trùng kín để không ảnh hưởng tới chất lượng tinh dịch lợn;

2.2.2.6. Lọ đựng tinh lợn phải được gắn nhãn ghi đầy đủ thông tin bao gồm số hiệu cá thể, giống, thể tích tinh dịch; tên và địa chỉ cơ sở sản xuất; chỉ tiêu chất lượng chủ yếu; ngày sản xuất, thời hạn sử dụng; hướng dẫn bảo quản và sử dụng;

2.2.2.7. Tủ lạnh, tủ bảo ôn phải được kiểm tra nhiệt độ hàng ngày và bảo trì, hiệu chuẩn theo quy định.

2.2.2.8. Phải có hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ và thuốc thử.

### **2.3. Yêu cầu đối với chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác tinh đối với lợn đực giống.**

2.3.1. Phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giống, có lý lịch rõ ràng có giấy kiểm dịch do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp (đối với lợn đực giống được nhập về).

2.3.2. Phải được quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, khai thác theo quy định hiện hành, chỉ khai thác tinh lợn, lưu hành và sử dụng tinh lợn đực giống khỏe mạnh.

2.3.3. Phải có lịch tiêm vaccine phòng bệnh cho lợn đực giống và thực hiện tiêm phòng đúng lịch.

2.3.4. Phải thực hiện việc nuôi cách ly trước khi nhập đàn ít nhất là 07 ngày đối với lợn đực giống mới nhập về; kiểm tra, theo dõi lâm sàng trong suốt quá trình nuôi cách ly và tiêm phòng bổ sung các bệnh truyền nhiễm tùy theo tình hình dịch bệnh tại địa phương.

2.3.5. Phải thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc khu vực nuôi cách ly trước và sau mỗi đợt nhập và xuất lợn đực giống.

2.3.6. Phải có hồ sơ quản lý đực giống.

2.3.7. Phải quản lý thức ăn, nước uống

a) Thức ăn cho lợn đực giống phải đảm bảo chất lượng, thành phần dinh dưỡng, vệ sinh và an toàn theo quy định hiện hành;

b) Nước uống cho lợn đực giống phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại QCVN 01-39:2011/BNNPTNT- về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi;

c) Phải có hồ sơ quản lý về thức ăn và chất lượng nước.

### **2.4. Yêu cầu về vệ sinh an toàn dịch bệnh**

2.4.1. Cơ sở phải ban hành các quy trình vệ sinh và khử trùng với các đối tượng sau: khu vực nuôi lợn đực giống; khu vực sản xuất tinh; thiết bị dụng cụ; hồ khử trùng; phương tiện ra vào cơ sở.

2.4.2. Quy trình vệ sinh và khử trùng phải quy định các nội dung sau:

a) Các bước thực hiện;

b) Tần suất thực hiện;

c) Thời điểm thực hiện;

d) Loại hóa chất, nồng độ hóa chất được sử dụng.

2.4.3. Cơ sở phải thực hiện vệ sinh và khử trùng theo các quy trình quy định tại mục 2.4.1.

2.4.4. Cơ sở phải ban hành các quy định sau:

- a) Vệ sinh đối với công nhân tham gia sản xuất và khách thăm;
- b) Thiết bị dụng cụ dùng trong chăn nuôi và việc di chuyển trang thiết bị dụng cụ đến khu khác hoặc ra ngoài cơ sở chăn nuôi;
- c) Thu gom chất thải rắn (không tồn trữ chất thải trên 24 giờ mà không có biện pháp xử lý);
- d) Bảo hộ lao động và sử dụng bảo hộ lao động;
- đ) Thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng để đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường; nước thải sau khi xử lý thải ra môi trường phải đáp ứng QCVN 62-MT:2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi;
- e) Kiểm soát, kiểm tra hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng định kỳ hàng quý hàng năm;

2.4.5. Cơ sở phải thực hiện các quy định tại mục 2.4.4

## **2.5. Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại**

Cơ sở sản xuất tinh lợn phải thực hiện kế hoạch kiểm soát động vật loài gặm nhấm và côn trùng gây hại do cơ sở ban hành.

## **3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

### **3.1. Chứng nhận hợp quy**

3.1.1. Cơ sở sản xuất tinh lợn phải được chứng nhận hợp quy về yêu cầu vệ sinh theo quy định tại Quy chuẩn này.

3.1.2. Phương thức đánh giá, chứng nhận hợp quy thực hiện theo phương thức 6 quy định tại Thông tư số [28/2012/TT-BKHHCN](#) ngày 12/12/2012 về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số [02/2017/TT-BKHHCN](#) 31/03/2017 thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [28/2012/TT-BKHHCN](#) của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.1.3. Tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận hợp quy: đã đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định [107/2016/NĐ-CP](#) ngày 01/7/2016 của Chính phủ và phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định theo quy định.

3.1.4. Việc thử nghiệm để phục vụ hoạt động chứng nhận hợp quy được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định [107/2016/NĐ-CP](#) ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

### **3.2. Công bố hợp quy**

3.2.1. Cơ sở sản xuất tinh lợn quy định tại mục 1.2 của Quy chuẩn này phải thực hiện công bố và đăng ký hợp quy tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3.2.2. Hoạt động công bố hợp quy phải đáp ứng các yêu cầu về công bố hợp quy tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

## **4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

4.1. Các tổ chức, cá nhân đã nêu tại Mục 1.2 phải áp dụng Quy chuẩn này.

4.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Chăn nuôi phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.3. Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.4. Trong trường hợp các quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nêu tại văn bản mới do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành./.